



DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬP ĐIỂM LỚP HỌC PHẦN

Đợt: HK2 (2015 - 2016)

Lớp học phần: [020200014501] - Thiết bị trao đổi nhiệt và mạng nhiệt (14CDNL01)

DiemTieuLuan1

STT	Thông tin sinh viên						Thường xuyên 20%						Tiêu luận 30%	TBTk	Được dự thi	Cuối kỳ	Ghi chú
	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Hệ số 1			Hệ số 2							
							1	2	3	1	2	3					
1	14000588	Nguyễn Văn	Bảo	Nam	19/06/1996	14CDNL01	8.00						8.00		V		
2	14000589	Huỳnh Phúc Quang	Bình	Nam	22/10/1996	14CDNL01											Nợ học phí
3	14000590	Nguyễn Trần Ngọc	Cánh	Nam	10/06/1993	14CDNL01											Nợ học phí
4	14000591	Trần Minh	Châu	Nam	16/12/1996	14CDNL01	8.00						7.50		V		
5	14000592	Trần Quang	Cương	Nam	31/12/1996	14CDNL01	8.00						8.00		V		
6	14000593	Trần Đơn	Dương	Nam	18/02/1996	14CDNL01	8.00						7.50				Nợ học phí
7	14000594	Phạm Trường	Duy	Nam	20/12/1995	14CDNL01	9.00						7.50		V		
8	14000595	Võ Đức	Duy	Nam	25/09/1996	14CDNL01	9.00						7.50				Nợ học phí
9	14000596	Nguyễn Nhật	Hào	Nam	06/01/1995	14CDNL01	8.00						8.00		V		
10	14000597	Nguyễn Văn	Hậu	Nam	19/04/1996	14CDNL01	8.00						7.50		V		
11	14000598	Võ Hoàng	Hoa	Nam	01/01/1996	14CDNL01	9.00						7.00		V		
12	14000600	Nguyễn Hoàng Đức	Huy	Nam	05/04/1994	14CDNL01	7.00						7.50		V		
13	14000601	Trần Nhật	Khoa	Nam	17/08/1996	14CDNL01	8.00						7.00		V		
14	14000602	Lâm Văn	Lộc	Nam	06/09/1996	14CDNL01	8.00						8.50				Nợ học phí
15	14000603	Phan Hữu	Lộc	Nam	17/02/1996	14CDNL01	9.00						7.50		V		
16	14000605	Cao Duy	Nhân	Nam	18/05/1996	14CDNL01	8.00						7.50				Nợ học phí
17	14000607	Phạm Nguyễn Tấn	Phát	Nam	19/01/1996	14CDNL01	7.00						7.00				Nợ học phí
18	14000608	Lê Hồng	Phong	Nam	19/02/1996	14CDNL01	8.00						7.00		V		
19	14000609	Nguyễn Phong	Phú	Nam	10/04/1995	14CDNL01	10.00						7.50		V		
20	14000610	Phạm Đình	Phương	Nam	08/03/1995	14CDNL01	10.00						7.00		V		
21	14000611	Đỗ Vũ Thanh	Sang	Nam	07/10/1995	14CDNL01	7.00						7.00		V		
22	14000612	Hồ Giang	Sang	Nam	20/11/1996	14CDNL01	8.00						7.50				Nợ học phí
23	14000613	Lê Hoàng	Sự	Nam	09/01/1996	14CDNL01	10.00						7.50		V		
24	13D2060050	Nguyễn Mai Thành	Tâm	Nam	22/09/1995	13CD-NL1	10.00						8.00				Nợ học phí
25	14000614	Đỗ Bá	Thành	Nam	18/08/1995	14CDNL01	10.00						8.50				Nợ học phí
26	14000615	Bùi Văn	Thuận	Nam	06/06/1996	14CDNL01	9.00						7.00				Nợ học phí
27	14000616	Nguyễn Việt	Thuy	Nam	01/01/1994	14CDNL01	10.00						7.50		V		
28	14000617	Nguyễn Tân	Tiền	Nam	17/10/1996	14CDNL01	9.00						8.50		V		
29	14000618	Nguyễn Minh	Trí	Nam	02/10/1995	14CDNL01	9.00						7.50				Nợ học phí
30	14000620	Bá Quốc Khánh	Trình	Nam	03/07/1995	14CDNL01	10.00						8.00				Nợ học phí
31	14000621	Huỳnh Bảo	Trọng	Nam	04/06/1996	14CDNL01	9.00						8.50		V		
32	14000622	Nguyễn Minh	Trung	Nam	22/08/1996	14CDNL01	10.00						8.00				Nợ học phí
33	14000623	Lê Văn	Trường	Nam	14/10/1996	14CDNL01	10.00						8.50				Nợ học phí
34	14000624	Nguyễn Lê Anh	Tú	Nam	22/04/1996	14CDNL01	8.00						8.50		V		
35	14000625	Huỳnh Văn	Tuấn	Nam	21/01/1996	14CDNL01	9.00						7.50		V		
36	14000626	Lê Xuân	Vĩ	Nam	25/09/1994	14CDNL01	8.00						7.00				Nợ học phí
37	14000627	Đỗ Trần Bảo	Việt	Nam	10/08/1996	14CDNL01	7.00						7.50				Nợ học phí
38	14000628	Nguyễn Như	Ý	Nam	20/08/1995	14CDNL01	10.00						7.00		V		
Tổng cộng: 38																	

Tổng cộng: 38

TP. HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu

Hoàng Văn Việt